

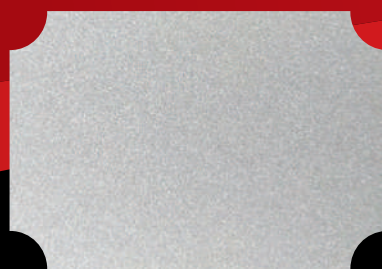
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT,
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NHỰA SK



ĐI ĐẦU VỀ CHẤT LƯỢNG

BẢNG MÀU/ COLOUR CHART

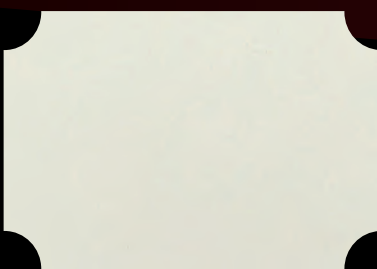
TẦM NHÔM NHỰA PHỨC HỢP



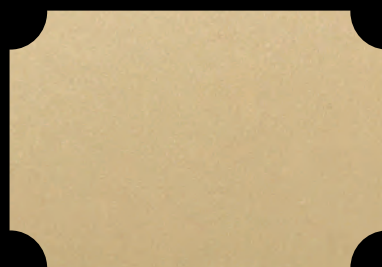
SK 3001



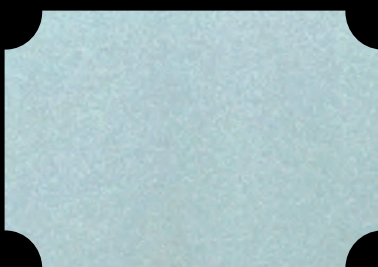
SK 3002



SK 3003



SK 3005



SK 3006



SK 3007



SK 3008



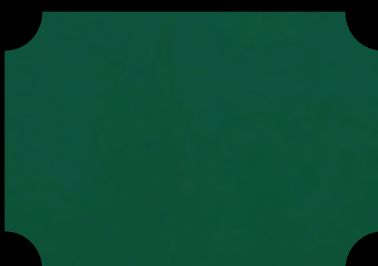
SK 3010



SK 3011



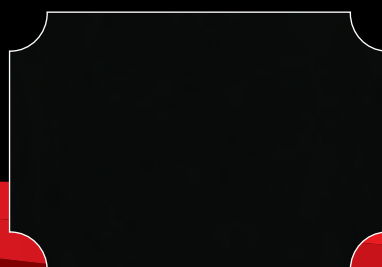
SK 3012



SK 3014



SK 3015



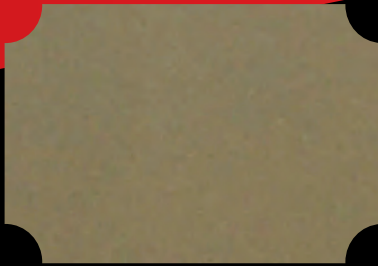
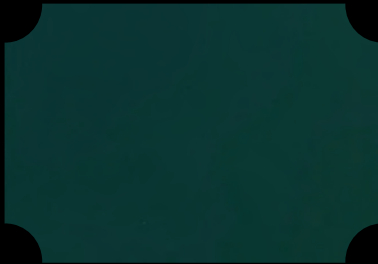
SK 3016



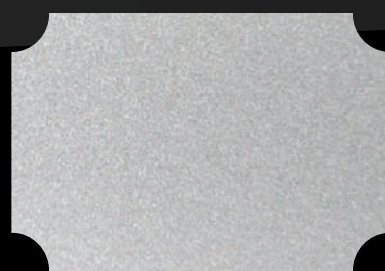
SK 3017



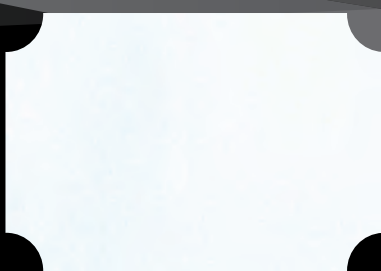
SK 3018

**SK 3030****SK 3035****SK 3038****SK 30VB1****SK 30VB2****SK 30BD**

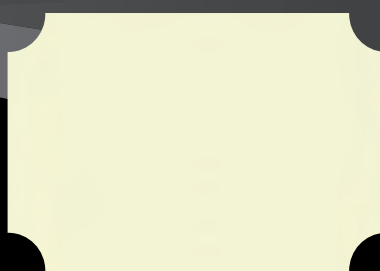
PET - TẮM TRONG NHÀ (INDOORS)



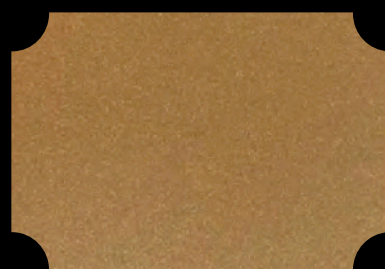
SK 2001



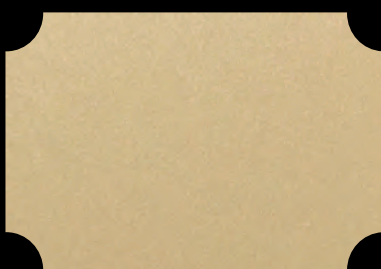
SK 2002



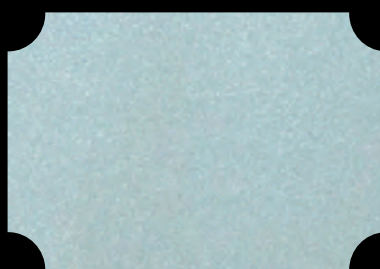
SK 2003



SK 2004



SK 2005



SK 2006



SK 2007



SK2008



SK 2009



SK 2010



SK 2011



SK 2012



SK 2013



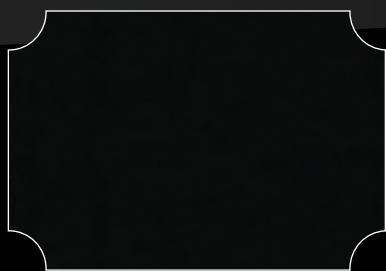
SK 2014



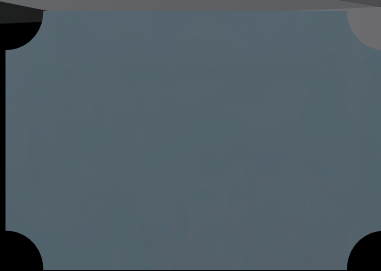
SK 2015

“ ĐI ĐẦU VỀ CHẤT LƯỢNG ”

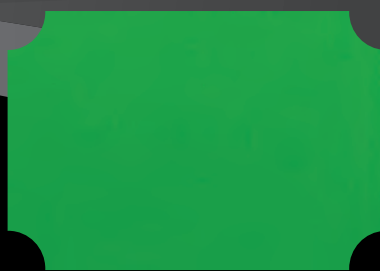
PET - TẮM TRONG NHÀ (INDOORS)



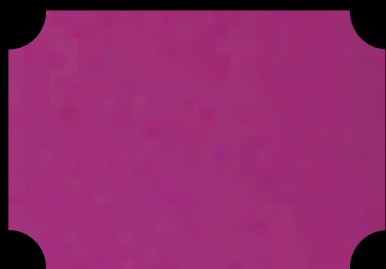
SK 2016



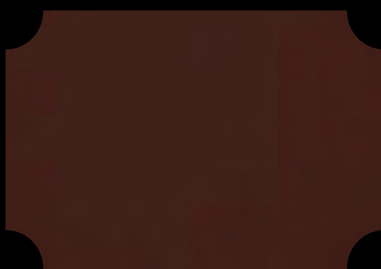
SK 2017



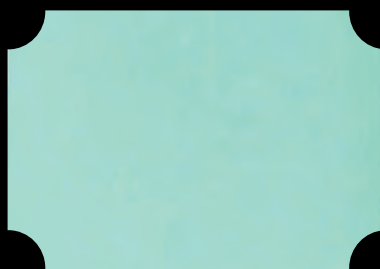
SK 2018



SK 2019



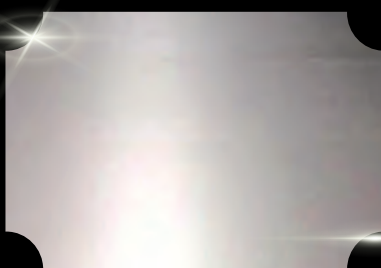
SK 2020



SK 2022



SK 2026



SK 2027



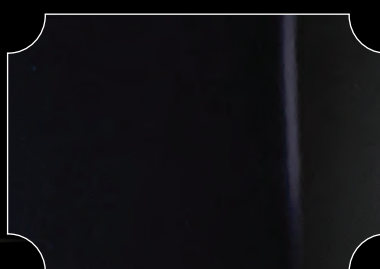
SK 2031



SK 2032



SK 2033



SK 2034



SK 2036



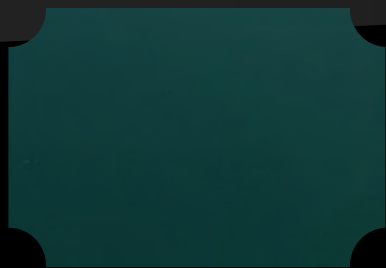
SK 2038



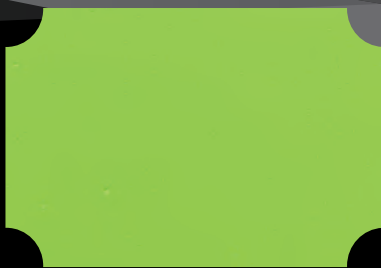
SK 20AG

“ ĐI ĐẦU VỀ CHẤT LƯỢNG ”

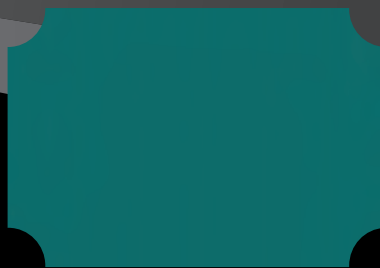
PET - TẤM TRONG NHÀ (INDOORS)



SK 30VB-1



SK 30VB-2



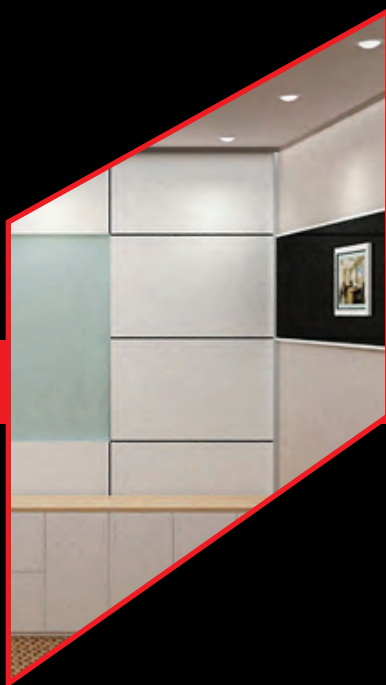
SK 30BD-1



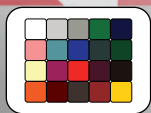
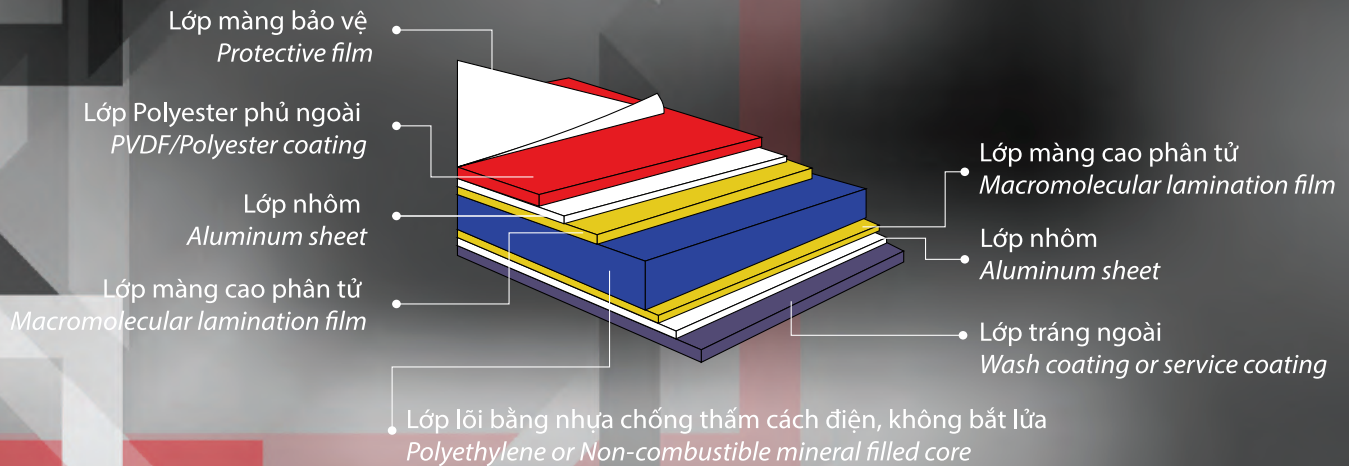
SK 2039



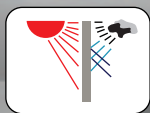
SK 2044



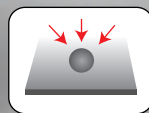
“ ĐI ĐẦU VỀ CHẤT LƯỢNG ”



Màu sắc đa dạng
Colorfulness



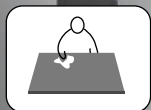
Chịu được khí hậu
khắc nghiệt
Climate resistance



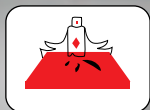
Chống chói sáng
chói lửa
Striking -resistance



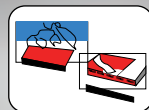
Cách âm tốt
Sound-proof



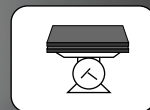
Bảo dưỡng
dễ dàng
Easy mintenance



Khả năng chống
cháy cao
Fire-proof capacity



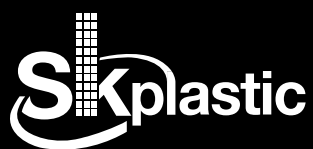
Dễ lắp đặt
Easy installation



Trọng lượng nhẹ
Light Weight

QUY CÁCH SẢN PHẨM PRODUCT SPECIFICATIONS

TÊN TIÊU CHUẨN (Item)	TIÊU CHUẨN CƠ LÝ CỦA SẢN PHẨM (Physical appearance standard)					
- Độ dày nhôm Aluminium thickness	0.07mm, 0.08mm, 0.10mm, 0.15mm		0.21mm, 0.30mm, 0.40mm, 0.50mm			
- Độ dày tấm Panel thickness	2mm, 3mm, 4mm, 5mm		3mm, 4mm, 5mm, 6mm			
- Kích thước tiêu chuẩn Standard size	1220mm x 2440mm		1220mm x 2440mm			
TÊN TIÊU CHUẨN (Item)	TRONG NHÀ (Interior panel)		NGOÀI TRỜI (Exterior panel)			PHƯƠNG PHÁP THỬ (Test method)
	3mm x 0.10	3mm x 0.15	3mm x 0.21	4mm x 0.30	4mm x 0.50	
- Độ bền uốn Aluminium thickness	≥ 30	≥ 40	≥ 30	≥ 40	≥ 50	ASTM D790
- Modul đàn hồi x 104 Aluminium thickness	≥ 0.75	≥ 1.0	≥ 1.30	≥ 1.70	≥ 2.0	ASTM D790
- Lực chịu xuyên Aluminium thickness	≥ 2.3	≥ 2.7	≥ 3.5	≥ 5.4	≥ 7.0	ASTM D732
- Lực cắt Aluminium thickness	≥ 10	≥ 11	≥ 14	≥ 19	≥ 22	ASTM D732
- Lực chịu bóc ở 180° Aluminium thickness	≥ 2.2	≥ 3.0	≥ 4.0	≥ 5.0	≥ 6.0	ASTM D903
- Nhiệt độ làm biến dạng tấm Aluminium thickness	≥ 55	≥ 60	≥ 75	≥ 85	≥ 95	ASTM D648
TÊN TIÊU CHUẨN (Item)	TIÊU CHUẨN VỀ LỚP SƠN (Coating standard)					PHƯƠNG PHÁP THỬ (Test method)
	TRONG NHÀ (Interior panel)		NGOÀI TRỜI (Exterior panel)			
- Độ dày lớp sơn Thickness of coating	2 lớp sơn: ≥ 23µm 3 lớp sơn: ≥ 30µm		≥ 14µm			ASTM D1400ASTM
- Sai số độ bóng Gloss deviation	≤ 10 GU					ASTM D523
- Độ mịn bề mặt lớp sơn Coating fineness	≤ 2		≤ 3			ASTM D2256
- Độ bám lớp sơn Coating adhesion	Không dưới cấp 1					ASTM D3359



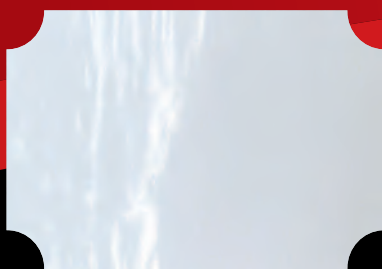
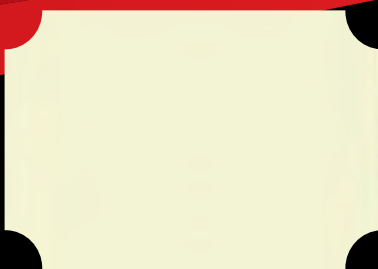
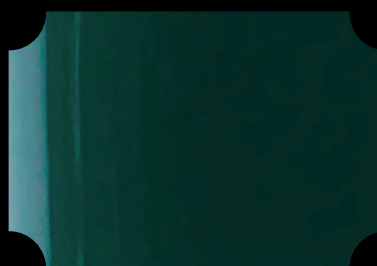
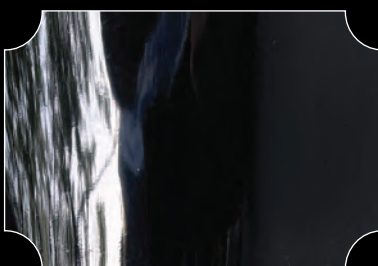
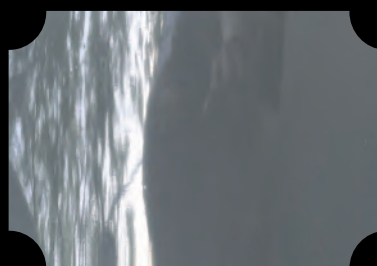
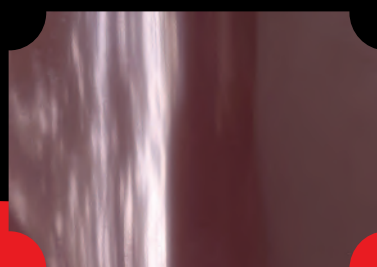
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT,
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NHỰA SK

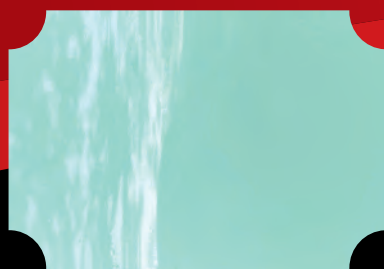


*Tiên phong công nghệ mới
Đi đầu công nghệ phủ bóng*

BẢNG MÀU/ COLOUR CHART

**TẦM NHÔM NHỰA PHỨC HỢP
MÀU BÓNG**

**SK 2002****SK 2003****SK 2007****SK 2008****SK 2009****SK 2010****SK 2011****SK 2012****SK 2014****SK 2015****SK 2016****SK 2017****SK 2018****SK 2019****SK 2020**



SK 2022



SK 2030



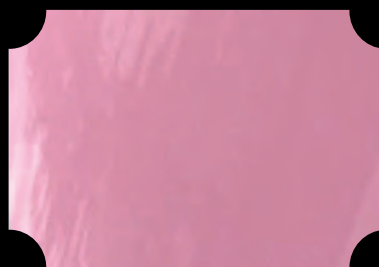
SK 2031



SK 2037



SK 2038



SK 2039



SK 2040



SK 2041



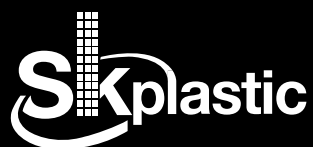
SK 2042



SK 2043



SK 30VB-2



CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT,
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NHỰA SK



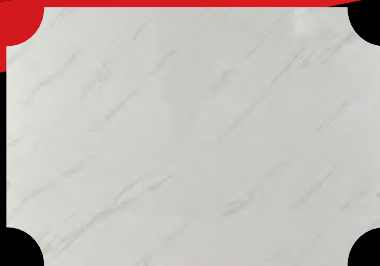
ĐI ĐẦU VỀ CHẤT LƯỢNG

BẢNG MÀU/ COLOUR CHART

TẤM ỐP ĐÁ HOA CƯỜNG PVC



SK 4253



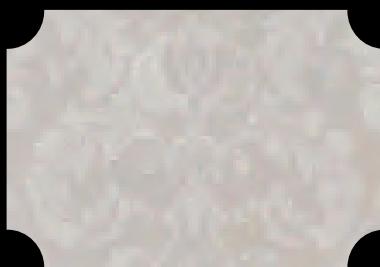
SK 4254



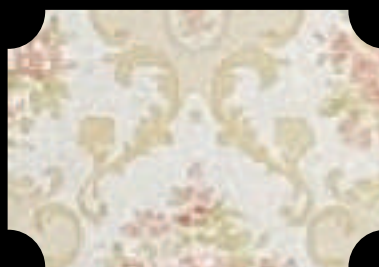
SK 4241



SK 4242



SK 4246



SK 4247



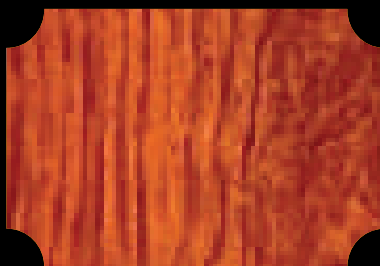
SK 4081



SK 4085



SK 4152



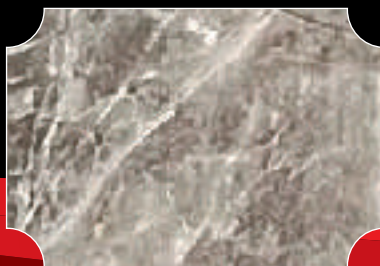
SK 4179



SK 4202



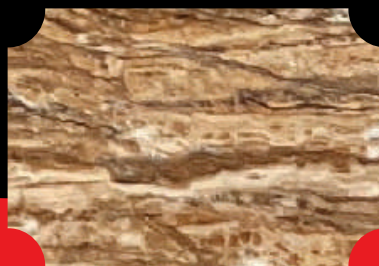
SK 4250



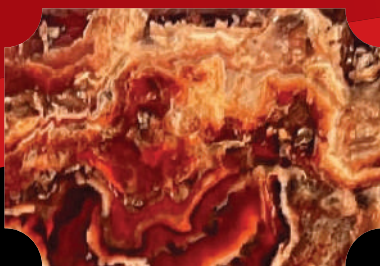
SK 4251



SK 4252



SK 4061



SK 4143



SK 4186



SK 4239



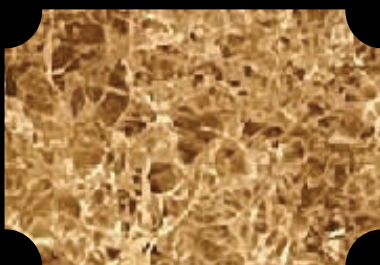
SK 4049



SK 4172



SK 4050



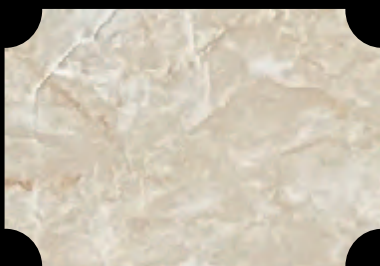
SK 4019



SK 4035



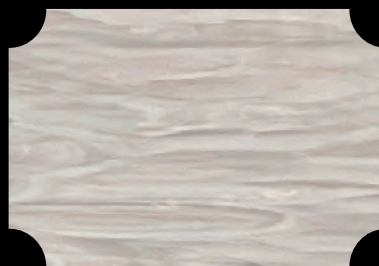
SK 4076



SK 4028



SK 4115



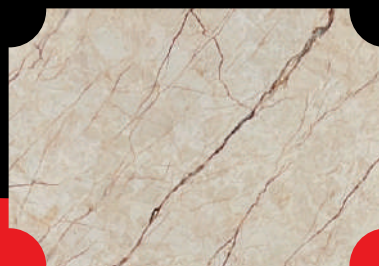
SK 4155



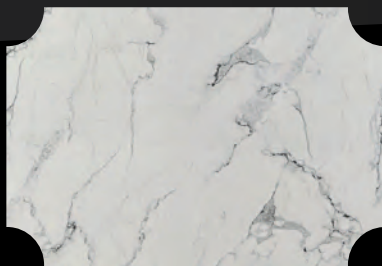
SK 4109



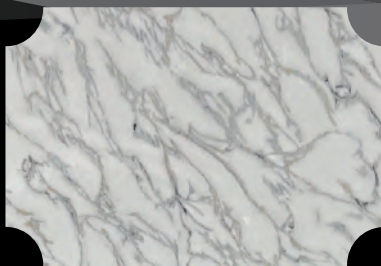
SK 4113



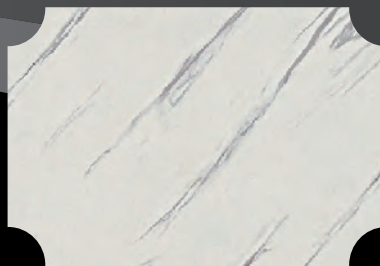
SK 4095



SK4101



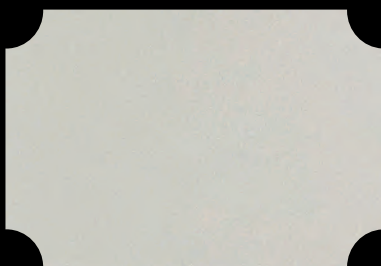
SK4145



SK4203



SK4229

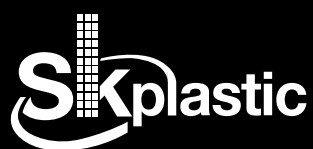


SK4243



SK4249





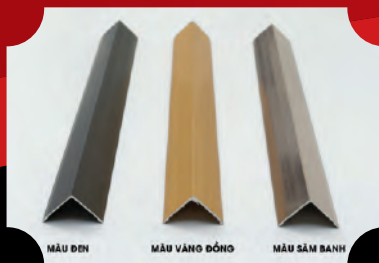
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT,
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NHỰA SK



ĐI ĐẦU VỀ CHẤT LƯỢNG

BẢNG MÀU/ COLOUR CHART

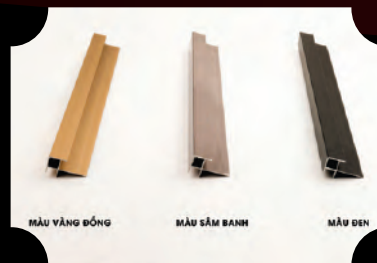
PHỤ KIỆN - KEO CHUYÊN DỤNG



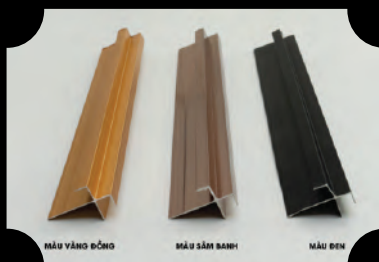
Nạp chữ V



Nạp góc ngoài



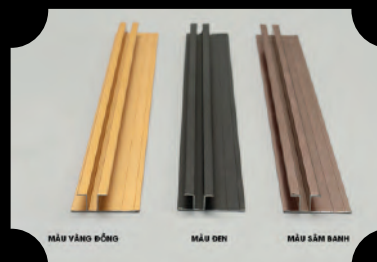
Nạp góc ngoài 90 độ



Nạp góc trong



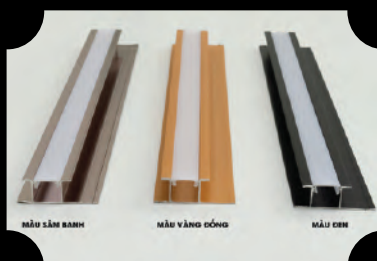
Nạp H lệch



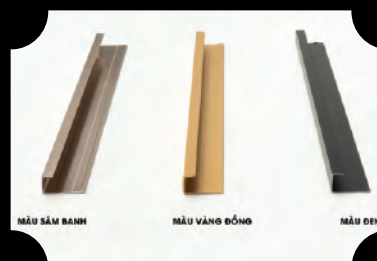
Nạp H nối 5mm



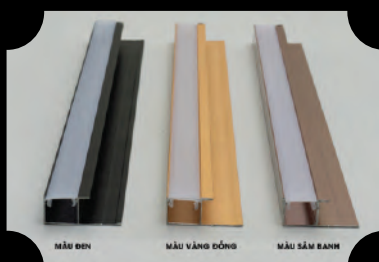
Nạp H nối 8mm



Nạp H nối có máng đèn



Nạp kết thúc



Nạp kết thúc có máng đèn



Nạp góc âm



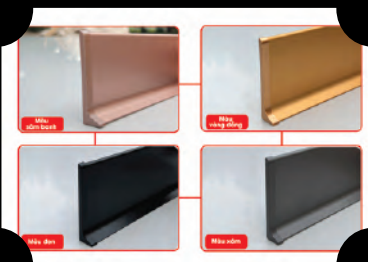
Góc trong



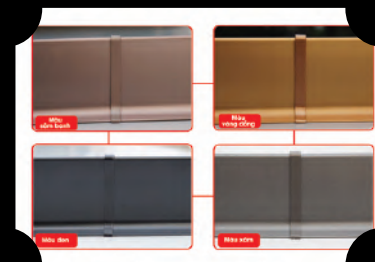
Nẹp chân tường



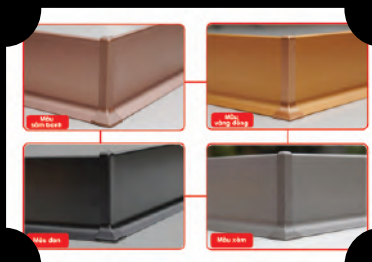
Kết thúc phải



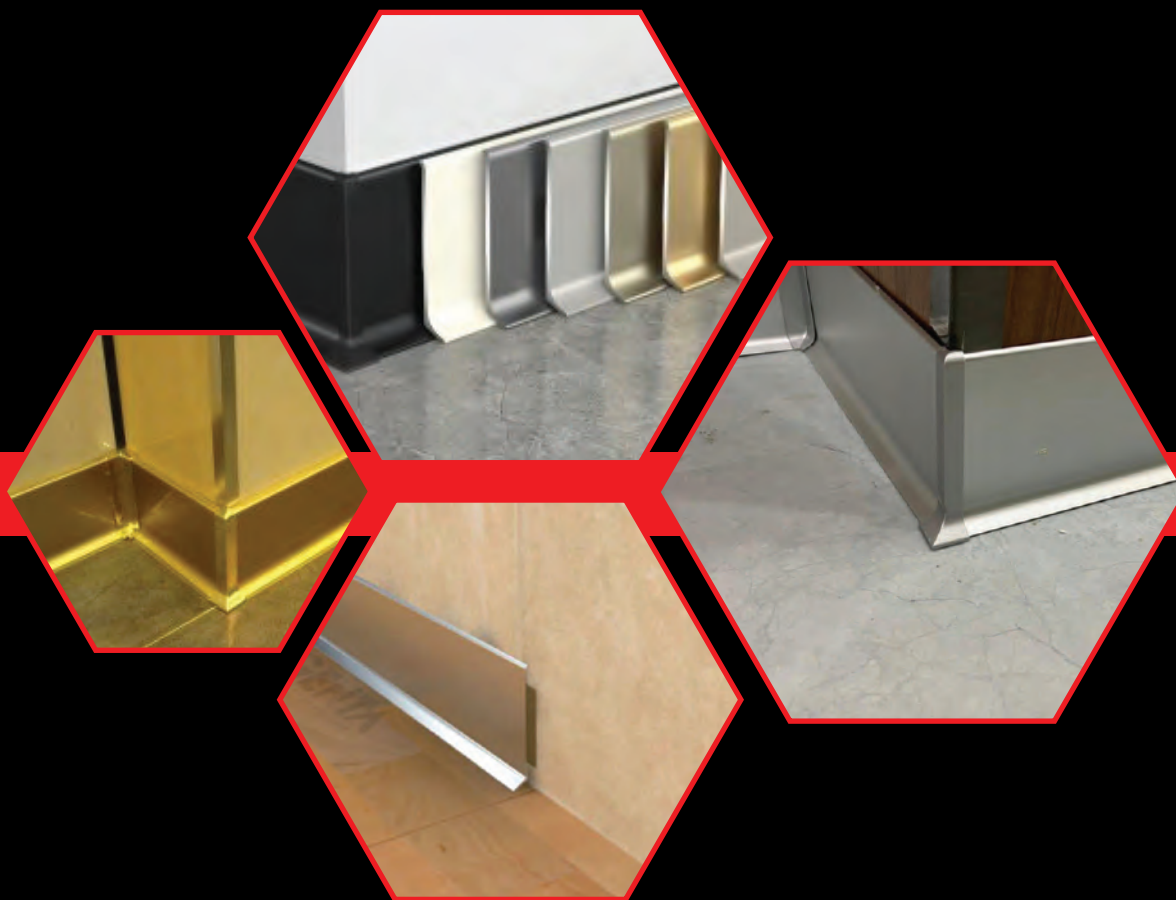
Kết thúc trái

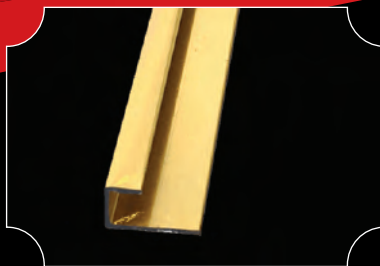
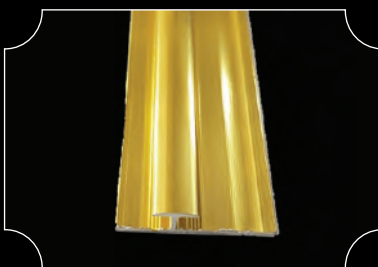
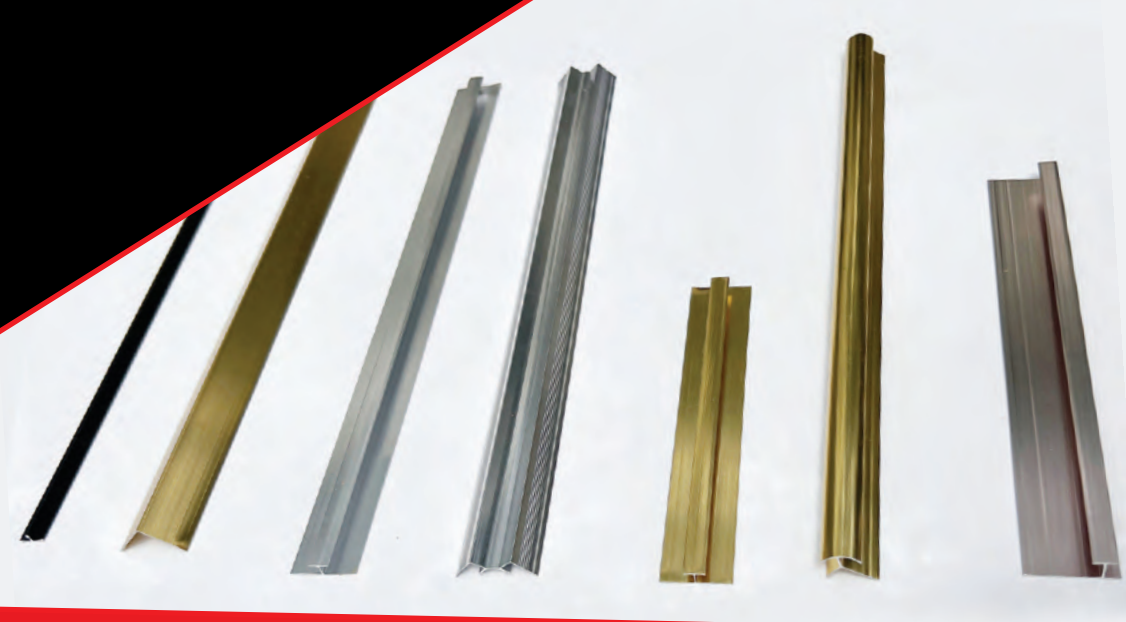


Chốt nổi



Góc ngoài



**Nạp chữ V****Nạp kết thúc****Nạp chữ T****Nạp H lệch****Nạp góc trong****Nạp H cân****Nạp góc ngoài**



**Keo dán dùng
trong xây dựng SK PLUS**

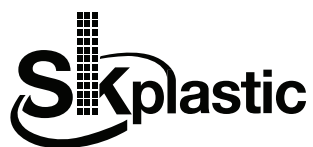


**Keo dán dùng
trong nội thất SK PLUS**



**Keo dán dùng
trong xây dựng SK PLUS**





CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT,
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NHỰA SK



ĐI ĐẦU VỀ CHẤT LƯỢNG

📍 Thị trấn Như Quỳnh,
Văn Lâm, Hưng Yên.

☎ 0221 3 991 889 | fax 0221 3 791 868
🌐 www.skplus.vn